

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày: 12 -8 -2020
V/v: “T/c HĐ vay tài sản
giữa ông K và bà H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Kim An

Ông Nguyễn Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:

Bà: Không Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16 /2020/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Viết K, sinh năm: 1951

Địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

* Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1955

Địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M:

Ông Bùi Viết K, sinh năm 1951

Địa chỉ: thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa ông K, bà H có mặt, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn là ông Bùi Viết K: Bà Bùi Thị H là cháu họ ông. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2018 ông có cho bà H vay tiền 4 lần với tổng số tiền là 2.160.000.000đ mục đích làm kinh tế gia đình.

Cụ thể ngày 02/10/2018 bà H vay 960.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, lãi xuất 1.000đ/ triệu/ngày. Ngày 10/11/2018 cho bà H vay 200.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi xuất 1.200đ/triệu/ngày. Ngày 14/11/2018 bà H vay 500.000.000đ, thời hạn vay 10 – 15 ngày, lãi xuất 1.200đ/triệu/ngày. Ngày 18/12/2018 bà H vay 500.000.000đ, thời hạn vay 03 ngày, lãi xuất 1.200đ/triệu/ngày. Các lần vay đều do bà H ký giấy nhận tiền, ông P chồng bà H không có mặt, không ký vào giấy vay. Ông cũng nhất trí tính lại lãi mà ông đã nhận của bà Hương.

Bà H đã trả lãi cho khoản vay 960.000.000đ lãi của tháng 11/2018 là 29.760.000đ và lãi của tháng 12/2018 là 28.800.000đ. Ngoài ra không trả cho ông khoản lãi nào nữa. Nay ông yêu cầu bà H và anh P trả cho ông 2.160.000.000đ gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật. Bà H đề nghị tính lại lãi đã trả cho ông theo lãi xuất pháp luật quy định ông cũng nhất trí.

Bà Bùi thị H trình bày bà đã vay vợ chồng ông K 4 lần với tổng số tiền 2.160.000.000đ, lãi xuất, ngày vay như ông K đã trình bày là đúng. Ba giấy vay đầu là do ông K đánh máy sẵn, bà viết tay các phần trống, riêng thời hạn vay thì bà không ghi mà do ai ghi thì bà không rõ. Giấy vay ngày 18/12/2018 bà viết tay toàn bộ. Mục đích vay tiền của bà là cho chị Phạm Thị T ở thành phố Nam Định vay lại chứ không phải vay làm ăn kinh tế, chị T trả lãi cho chị 01 tháng thì không trả nữa. Bà đã trả lãi cho ông K 02 tháng đối với khoản vay 960.000.000đ là đúng. Ông P không biết bà vay tiền, không liên quan gì đến việc bà vay tiền vợ chồng ông K. Bà đề nghị vợ chồng ông K cho bà trả gốc và xin không trả lãi. Bà cũng đề nghị Tòa án tính lại lãi xuất bà đã trả quá quy định cho ông K.

Ông Nguyễn Văn P có lời khai trình bày ông không biết gì việc bà H vay tiền vợ chồng ông K do ông đi làm bảo vệ cho Công ty Việt Tiến, ít khi ở nhà. Ông không chịu trách nhiệm mà bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ riêng vợ chồng ông K. Ông có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự, Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông K. Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: **Buộc bà H trả cho vợ chồng ông K số tiền gốc là 2.160.000.000đ và số tiền lãi theo qui định của pháp luật sau khi đã trừ đi số tiền lãi 58.560.000đ đã trả. Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định. Không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả nợ cùng bà H.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về số tiền, số lần vay, mức lãi xuất, số tiền lãi bà H đã trả cho ông K hai bên thừa nhận là đúng. Cả ông K và bà H đều nhất trí tính lại lãi xuất vay. Mức lãi xuất là 1.000 đồng/ triệu/ngày thì mức lãi xuất cho vay cũng đã là 36%/năm, lãi xuất 1.200đ/triệu/ngày thì mức lãi xuất cho vay đã là 43,2%/năm vượt quá mức lãi xuất giới hạn 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân

sự 2015. Do đó khoản lãi bà H đã trả cho vợ chồng ông K trong 02 tháng sẽ phải xem xét lại.

Điều a khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Mức lãi xuất thỏa thuận không được vượt quá mức lãi xuất giới hạn qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015*”. Điều 468 BLDS 2015 qui định: “*1. Lãi xuất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi xuất thì lãi xuất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định...[.....]. Trường hợp lãi xuất theo thỏa thuận vượt quá lãi xuất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi xuất vượt quá không có hiệu lực. 2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi xuất hoặc có tranh chấp về lãi xuất xuất thì lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 tại thời điểm trả nợ*” Theo quy định tại Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

- *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.*

- *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”

1. Đối với số tiền 960.000.000đ bà H vay ngày 02/10/2018 lãi xuất chỉ được tính tối đa là 20%/năm cho nên:

- Số lãi trên nợ gốc được tính lại là: $960.000.000đ \times (20\% : 12 \text{ tháng}) \times 1 \text{ tháng} = 16.000.000đ$.

Do giấy vay không thỏa thuận lãi xuất chậm trả và lãi xuất nợ quá hạn nên:

- Lãi chậm trả được tính từ 03/11/2018 đến 12/8/2020 là $960.000.000đ \times (20\% : 12 \text{ tháng}) \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 21 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 2.844.000đ$

- Lãi trên nợ gốc quá hạn được tính từ 03/11/2018 đến 12/8/2020 là: $960.000.000đ \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 150\% \times 21 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 256.000.000đ$

Như vậy bà H chỉ phải trả lãi cho khoản vay 960.000.000đ là $16.000.000đ + 2.844.000đ + 256.000.000đ = 274.844.000đ$ và 960.000.000đ nợ gốc. Tổng cộng là 1.234.844.000đ. Bà H đã trả lãi 58.560.000đ nên chỉ còn phải trả **1.176.284.000đ**

2. Đối với khoản vay 200.000.000đ ngày 10/11/2018 cũng tính như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn: $200.000.000đ \times (20\% : 12 \text{ tháng}) \times 1 \text{ tháng} = 3.334.000đ$ (làm tròn)

Do giấy vay không thỏa thuận lãi xuất chậm trả và lãi xuất nợ quá hạn nên:

- Lãi chậm trả được tính từ 11/12/2018 đến 12/8/2020 là $200.000.000đ \times (20\% : 12 \text{ tháng}) \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 20 \text{ tháng} = 555.000đ$ (làm tròn)

- Lãi trên nợ gốc quá hạn được tính từ 11/12/2018 đến 12/8/2020 là: $200.000.000đ \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 150\% \times 20 \text{ tháng} = 50.000.000đ$

Như vậy bà H chỉ phải trả lãi cho khoản vay 200.000.000đ là 3.334.000đ + 555.000đ + 50.000.000đ = 53.889.000đ và 200.000.000đ nợ gốc. **Tổng cộng là 253.889.000đ**

3. Đối với khoản vay 500.000.000đ ngày 14/11/2018 cũng tính như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn: 500.000.000đ x (20% : 12 tháng) x 15 ngày = 4.167.000đ.(làm tròn)

Do giấy vay không thỏa thuận lãi xuấtchậm trả và lãi xuất nợ quá hạn nên:

- Lãi chậm trả được tính từ 29/11/2018 đến 12/8/2020 là 500.000.000đ x (20% : 12 tháng) x (10% : 12 tháng) x 20 tháng 13 ngày = 1.418.900đ (làm tròn)

- Lãi trên nợ gốc quá hạn được tính từ 29/11/2018 đến 12/8/2020 là: 500.000.000đ x (10% : 12 tháng) x 150% x 20 tháng 13 ngày = 127.708.000đ

Như vậy bà H chỉ phải trả lãi cho khoản vay 500.000.000đ là 4.167.000đ + 1.418.900đ + 127.708.000đ = 133.293.900 và 500.000.000đ nợ gốc. **Tổng cộng là 633.293.900đ**

4. Đối với khoản vay 500.000.000đ ngày 18/12/2018 cũng tính như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn: 500.000.000đ x (20% : 12 tháng) x 3 ngày = 834.000đ.(làm tròn)

Do giấy vay không thỏa thuận lãi xuấtchậm trả và lãi xuất nợ quá hạn nên:

- Lãi chậm trả được tính từ 21/01/2019 đến 12/8/2020 là 500.000.000đ x (20% : 12 tháng) x (10% : 12 tháng) x 18 tháng 21 ngày = 1.298.600đ (làm tròn)

- Lãi trên nợ gốc quá hạn được tính từ 21/01/2019 đến 12/8/2020 là: 500.000.000đ x (10% : 12 tháng) x 150% x 18 tháng 21 ngày = 116.875.000đ

Như vậy bà H chỉ phải trả lãi cho khoản vay 500.000.000đ là 834.000đ + 1.298.600đ + 116.875.000đ = 118.173.600đ và 500.000.000đ nợ gốc. **Tổng cộng là 618.173.600đ.**

Tổng cộng tất cả 4 khoản vay bà H phải trả cho vợ chồng ông K là 2.681.640.500đ bao gồm 2.160.000.000đ nợ gốc và 521.640.500đ lãi.

Ngoài ra bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả thi hành án theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Bà H phải nộp là **85.632.000đ** án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Ông K, bà M, bà H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn P không trực tiếp cùng bà H đến vay tiền vợ chồng ông K, không ký nhận trong giấy vay tiền, không biết bà H vay tiền vợ chồng ông K nên xác định không là người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án như đề nghị của ông K.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Việt K. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, của **Bộ luật Tố tụng dân sự**; Điều 357, Điều 466, Điều 468 của **Bộ luật Dân sự năm 2015**; Điều 1, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Điều 24, 26 **Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Bùi Viết K. Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả nợ vợ chồng ông Bùi Viết K số tiền **2.681.640.500đ** bao gồm 2.160.000.000đ tiền nợ gốc và 521.640.500đ tiền lãi.

2. Về án phí: Bà H phải nộp là **85.632.000đ** án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho ông K, bà M, bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND TT Xuân Trường;
- Lưu HS + VP.

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh